**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Tên Công ty đại chúng:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

**Năm báo cáo 2010**

I. KHÁI QUAT CÔNG TY

1. I.            Thông tin chung
2. *1. Thông tin khái quát*

-        Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

-        Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103003850

-        Vốn điều lệ: 66.000.000.000 VND

-        Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 66.000.000.000 VND

-        Địa chỉ: Số 18/44 phố Đức Giang – Thượng Thanh – Long Biên – Hà Nội

-        Số điện thoại: 04 38271620

-        Số fax: 04 38271068

-        Website: ducgiangchem.vn

-        Mã cổ phiếu (nếu có): DGC

1. *2. Quá trình hình thành và phát triển*

Tiền thân của Công ty cổ phần Hóa chất và bột giặt Đức Giang là Công ty hoá chất Đức Giang. Năm 2004, theo Quyết định số 183/QĐ-TTg ngày 19 tháng 09 năm 2003 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN trực thuộc Tổng Công ty Hoá Chất Việt Nam giai đoạn 2003-2005, Công ty đã chính thức được chuyển thành công ty cổ phần Bột giặt và hoá chất Đức Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp cho đăng ký lần đầu ngày 05/03/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/10/2009.

**Ngành nghề kinh doanh:**

* Sản xuất và buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
* Sản xuất và buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón, sắt, thép, kim loại màu;
* Sản xuất, buôn bán máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí;
* Sản xuất và buôn bán các mặt hàng nhiên liệ khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chưa bi tum; các loại sáp khoáng chất;
* Cho thuê nhà xưởng.

**3. Cơ cấu tổ chức Công ty tại thời điểm hiện nay:**

Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang thực hiện mô hình quản lý gồm: 01 Công ty con, 01 Chi nhánh, 06 phân xưởng trực thuộc và 01 đơn vị liên kết kinh doanh (Công ty cổ phần phốt pho vàng Lào Cai)

Biểu 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang

|  |
| --- |
| **CÔNG TY CP BỘT GIẶT VÀ**  **HOÁ CHẤT ĐỨC GIANG** |

|  |
| --- |
| **Chi nhánh Bình Dương** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Chất hoạt động bề mặt** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Chất tẩy rửa** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Axít phôtpho ric** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Hoá chất tinh khiết** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Hoá chất kỹ thuật** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng**  **Cơ điện XDCB** |

**Các đơn vị trực thuộc**

**Chi nhánh Bình Dương:**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng An – Xã Bình Hoà - Huyện Thuận An - Tỉnh Bình Dương

Điện thoại/ Fax: 0650 756576

**Phân xưởng Chất tẩy rửa**

Công ty có 2 phân xưởng sản xuất Xà phòng bột, xà phòng kem, nước rủa chén, nước giặt, nước xả làm mềm vải, nước lau sàn nhà, nước Javel, nước cọ toilet và sản xuất Tripoly Phốtphát Natri có công nghệ sản xuất giống nhau, một phân xưởng đặt tại trụ sở 18/44 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội và một phân xưởng đặt tại Chi nhánh Bình Dương. Công suất mỗi phân xưởng là 12.000 tấn/năm. Sản phẩm chính là Xà phòng bột.

**Phân xưởng Axít phốtphoric**

Công ty có 2 phân xưởng sản xuất Axit Phốtphoríc có công nghệ sản xuất giống nhau, một phân xưởng đặt tại trụ sở 18/44 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội và một phân xưởng đặt tại Chi nhánh Bình Dương. Công suất mỗi phân xưởng là 12.000 tấn/năm. Sản phẩm chính là gồm hai dòng: Axit Phốtphoríc kỹ thuật 85% và Axit Phốtphoríc 85% dung trong thực phẩm.

Ngoài ra, tại trụ sở Công ty còn có các phân xưởng như: Phân xưởng Chất hoạt động bề mặt, Phân xưởng Hoá chất tinh khiết, Phân xưởng Hoá chất kỹ thuật, Phân xưởng Cơ điện XDCB.

**Đơn vị liên kết kinh doanh:**

Công ty cổ phần Phốt pho vàng Lào Cai

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Công ty nắm giữ 12% cổ phần.

**4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức bộ máy quản lý công ty Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang được mô tả theo sơ đồ sau:

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang

|  |
| --- |
| **Công ty CP HC Đức Giang – Lào Cai** |

|  |
| --- |
| **Chi nhánh Bình Dương** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Chất hoạt động bề mặt** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Chất tẩy rửa** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Axit phốt pho ric** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Hoá chất kỹ thuật** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Cơ điện XDCB** |

|  |
| --- |
| **Phân xưởng Hoá chất tinh khiết** |

|  |
| --- |
| **ĐẠI HỘI ĐỒNG**  **CỔ ĐÔNG** |

|  |
| --- |
| **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** |

|  |
| --- |
| **BAN KIỂM SOÁT** |

|  |
| --- |
| **TỔNG GIÁM ĐỐC** |

|  |
| --- |
| **Phòng**  **TC-HC** |

|  |
| --- |
| **Phòng**  **Kế Toán** |

|  |
| --- |
| **Phòng**  **KD - XNK** |

|  |
| --- |
| **Phòng**  **KT - KCS** |

**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

**Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 03 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra.

**Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.

**Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là người điều hành mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật và HĐQT về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ.

**Phòng Tổ chức - Hành Chính**

Có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các công việc cụ thể sau:

ü Công tác tổ chức và công tác cán bộ;

ü Công tác đào tạo;

ü Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;

ü Công tác hành chính văn phòng.

**Phòng Kế toán**

Là bộ phận giúp Tổng Giám đốc tổ chức bộ máy Tài chính - kế toán - tín dụng. Mặt khác giúp Giám đốc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế - tài chính trong Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và công ty cổ phần.

**Phòng Kinh doanh - Xuất nhập khẩu**

Là bộ phận chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

ü Công tác kinh doanh - xuất nhập khẩu;

ü Công tác đấu thầu, mua sắm máy móc;

ü Công tác hợp đồng kinh tế;

ü Công tác kế hoạch.

**Phòng Kỹ thuật - KCS**

Là bộ phận chức năng trợ giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

ü Nghiên cứu, hướng dẫn và hỗ trợ ứng dụng công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, biện pháp hợp lý hóa sản xuất trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; nghiên cứu  để sản xuất các sản phẩm mới.

ü Quản lý kỹ thuật, chất lượng và tiến độ các công trình đấu thầu, nhận thầu thi công hoặc các công trình do Công ty làm chủ đầu tư;

ü Quản lý về an toàn bảo hộ lao động trong công ty;

ü Tìm kiếm, phát triển thị trường và tiếp thị đấu thầu các công trình trong phạm vi ngành nghề kinh doanh của Công ty;

ü Lập và trình duyệt các dự án đầu tư của Công ty.

Nhìn chung mô hình tổ chức hiện tại của Công ty đã đáp ứng được với yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Với việc phân cấp mạnh của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc đã tạo điều kiện cho các đơn vị phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác quản lý và điều hành sản xuất, trong việc phát triển thị trường,... cũng như trong việc thực thi định hướng phát triển chung của Công ty. Công ty vẫn giữ được vai trò trung tâm điều phối hoạt động của các đơn vị thông qua quy chế quản lý chung.

**5.    Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cổ đông** | **Địa chỉ** | **Số cổ phần** | **Giá trị vốn góp (đồng)** | **Tỷ lệ %** |
| 1 | Đào Hữu Huyền | 55 Phùng Hưng - Hoàn Kiếm- Hà Nội | 1.809.368 | 18.093.680.000 | 27,54 |
| 2 | Tập đoàn hóa chất Việt Nam  Đại diện:  Lại Cao Hiến | 1A Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội    41B Hoàng Hoa Thám, P.Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội | 1.386.000 | 13.860.000.000 | 21,00 |
| 3 | Đào Hữu Kha | 425 Ngô Gia Tự - Long Biên – Hà Nội | 547.676 | 5.476.760.000 | 8,30 |
| 4 | Ngô Thị Ngọc Lan | 425 Ngô Gia Tự - Long Biên – Hà Nội | 535.568 | 5.355.680.000 | 8,11% |

*(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)*

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty và tỷ lệ  nắm giữ tại thời điểm 31/12/2010

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cổ đông** | **Địa chỉ** | **Số cổ phần** | **Giá trị vốn góp (đồng)** | **Tỷ lệ %** |
| 1 | Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam | 1A Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội | 1.386.000 | 13.860.000.000 | 21% |
| Đại diện:  Lại Cao Hiến | 41B Hoàng Hoa Thám, P.Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội |
| 2 | 142 cổ đông khác |  | 5.214.000 | 52.140.000.000 | 79% |
| **Tổng cộng** | |  | **6.600.000** | **66.000.000** |  |

*(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)*

Theo Luật Doanh nghiệp, sau thời han 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05/03/2004 do vậy mọi điều kiện chuyển nhượng áp dụng đối với cổ đông sáng lập tại thời điểm này đều bị bãi bỏ.

**6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán.**

**Công ty con**

Công ty cổ phần hóa chất Đức Giang – Lào Cai (DLC) là công ty con của Công ty cổ phần hóa chất và Bột Giặt Đức Giang với tỷ lệ sở hữu 65% vốn điều lệ. Công ty cổ phần hóa chất Đức Giang – Lào Cai được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300 299 830 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 15/4/2009.

Địa chỉ : Cụm công nghiệp Tằng Loỏng – Bảo Thắng – Lào Cai.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng

**Những công ty mà Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không

**Những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang:** Không

**7. Hoạt động kinh doanh**

**1.1.      Hoạt động kinh doanh chính**

**1.1.1.   Sản phẩm chính**

**Phốt pho vàng (P4):**

Đặc điểm: Công thức hoá học P4; Trọng lượng phân tử là 123,90; Chất lượng loại kỹ thuật 99,9% (TC28:2005/HCĐG); Dạng bên ngoài và đặc điểm là thể rắn màu vàng nhạt hoặc màu vàng. Tỷ trọng 1,83, điểm chảy 44,10C, điểm sôi 2810C, không tan trong nước nhưng tan trong benzene, ete và cacbon disunfua.

Sử dụng: Được dùng để sản xuất phốt pho đỏ, axit phọtphoric, photpho triclorua, photpho oxytriclorua, photphopentoxit và photpho pentasunfua; Sử dụng trong sản xuất thuốc trừ sâu gốc photpho hữu cơ và một số chất độc. Phốt pho vàng còn được sử dụng rộng rãi làm nguyên liệu trong một số ngành công nghiệp.

|  |
| --- |
|  |

Hình ảnh:

**Axit Photphoric (H3PO4)**

Đặc điểm: Công thức hoá học H3PO4; Trọng lượng phân tử là 98,0; Chất lượng loại dung trong kỹ thuật và trong thực phẩm có hàm lượng H3PO4 không nhỏ hơn 85%; Dạng bên ngoài và đặc điểm là chất lỏng trong suốt, không màu, có vị chua. Tỷ trọng 1,697 (200C).

Sử dụng: Được dùng để làm nguyên liệu sản xuất Natri Tripolyphốtphát và các muối phốtphát khác; dùng trong công nghiệp thực phẩm, vi sinh, thức ăn chăn nuôi gia súc,…

|  |
| --- |
|  |

Hình ảnh:

**Natri tripolyphophat (Na5P3O10)**

Đặc điểm: Công thức hoá học Na5P3O10; Trọng lượng phân tử là 367,88; Chất lượng loại kỹ thuật TC03:2005/HCĐG; Dạng bên ngoài và đặc điểm là bột màu trắng.

Sử dụng: Được dùng trong công nghiệp sản xuất các chất giặt rửa, công nghiệp thực phẩm và vi sinh,…

Hình ảnh:

|  |
| --- |
|  |

**Linear alkylbenzensunfonic acid (LAS)**

Đặc điểm: Công thức hoá học CnH2n+1C6H4SO3H (n khoảng 12); Trọng lượng phân tử trung bình 322; Chất lượng loại kỹ thuật TC04:2005/HCĐG; Dạng bên ngoài và đặc điểm thể lỏng sệt, đồng nhất, màu nâu sáng.

Sử dụng: Được dùng làm chất tạo bọt trong sản xuất các chất giặt rửa.

|  |
| --- |
|  |

Hình ảnh:

**Bét giÆt:**

Đây là sản phẩm đã có thương hiệu lâu năm trong người tiêu dùng và được Công ty tái nghiên cứu sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Bột giặt Đức Giang với hàm lượng chất hoạt động bề mặt không nhỏ hơn 18%, đảm bảo đánh bật mọi vết bẩn khó tẩy nhất mà lại không hại đến da tay. Thành phần chính: LASNa, STTP, Sodiumcarbonate, Natrisunfate, Chất tẩy trắng quang học, Hương liệu

|  |
| --- |
|  |

Các sản phẩm của Công ty có chất lượng cao đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ cho phòng thí nghiệm các nhà máy, trường học, viện nghiên cứu, bệnh viện, người tiêu dùng,......

**Sản lượng sản phẩm các năm**

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần toàn Công ty theo hoạt động

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục** | **Năm 2009** | | **Năm 2010** | |
| **Giá trị** | **%** | **Giá trị** | **%** |
| 1 | Phốtpho vàng (P4) | 83 | 35% | 201 | 48% |
| 2 | LAS | 46 | 20% | 34 | 8% |
| 3 | Nước rửa chén | 2 | 1% | 8 | 2% |
| 4 | H3PO4 | 8 | 3% | 16 | 4% |
| 5 | Hoá chất tinh khiết | 3 | 1% | 4 | 1% |
| 6 | Hoá chất kỹ thuật | 5 | 2% | 3 | 1% |
| 7 | Bột giặt và chất tẩy rửa khác | 77 | 33% | 144 | 35% |
| 8 | Sản phẩm và dịch vụ khác | 11 | 5% | 7 | 2% |
|  | **Cộng** | **235** |  | **417** |  |

*(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)*

Cơ cấu Doanh thu thuần năm 2009

*(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)*

Cơ cấu Doanh thu thuần năm 2010

*(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)*

**8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.**

**Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2009** | **Năm 2010** | **% tăng giảm** |
| Tổng giá trị tài sản | 188.173 | 227.637 | 21% |
| Doanh thu thuần | 235.186 | 417.170 | 79% |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 30.378 | 45.619 | 50% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 5.115 | 37.469 | 633% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 26.132 | 52.116 | 99% |
| Lợi nhuận khác | 839 | 1.252 | 49% |
| Lợi nhuận trước thuế | 26.396 | 52.733 | 100% |
| Lợi nhuận sau thuế | 22.013 | 48.716 | 121% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 29,3% | 65,69% | - |

*( Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010, BCTC Quý III/2011 của DGC)*

**Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo**

v   **Thuận lợi:**

* Công ty đã có những mặt hàng truyền thống như LAS, phốt pho vàng, H3PO4, Na5P3O10 và những khách hàng truyền thống như: Tập đoàn Unilever, P&G, Toyotatusho, Sumimoto;
* Các ngành kinh tế tiếp tục phát triển, các mặt hàng xuất khẩu tăng mạnh đặc biệt là phốt pho vàng;
* Sản phẩm bột giặt và chất tẩy rửa đã có thương hiệu và uy tín trên thị trường;
* Có đội ngũ công nhân, kỹ sư lành nghề;
* Có mặt bằng sản xuất rộng, địa điểm giao dịch thuận lợi.

v   **Khó khăn:**

* Giá nguyên liệu tăng nhanh, một số nguyên liệu đầu vào khan hiếm, đặc biệt là than cốc. Do Công ty lấy ít nên không dành được quyền phân phối mà phải mua qua đại lý, dẫn đến giá cao, chất lượng không ổn định;
* Hoạt động xuất khẩu của Công ty chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng doanh thu nên có nhiều rủi ro biến động về tỷ giá và thị trường thế giới;
* Do mặt bằng sản xuất kinh hiện tại của công ty đang được quy hoạch thành khu dân cư dẫn đến việc công ty phải dịch chuyển dần sản xuất đến địa bàn khác. Việc di dời này sẽ có giai đoạn ảnh hưởng đết hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
* Mặt hàng chiến lược trong thời gian tới là các chất tẩy rửa đặc biệt là sản phẩm bột giặt có sự tranh tranh khốc liệt từ các công ty trong nước dẫn đến lợi nhuận không cao. Ngoài ra các sản phẩm hóa chất khác như STPP, H3PO4 … vấp phải sự canh tranh rất lớn do có các sản phẩm cùng loại được nhập khẩu từ Trung Quốc.

Với những thuận lợi và khó khăn trên, kết quả sự chỉ đạo kiên quyết, sát sao và kịp thời của lãnh đạo Công ty cùng sự đoàn kết nhất trí, năng động của các cấp lãnh đạo, sự nỗ lực sáng tạo của đội ngũ CBCNV, Công ty đã vượt qua khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Để khắc phục các khó khăn trên, từ năm 2007 công ty đã chú trọng tới công tác tuyển dụng và đào tạo nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ cho các cán bộ. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện tái cơ cấu tài chính, giảm bớt áp lực về vốn vay và tăng cường năng lực tài chính công ty.

**11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành**

**Vị thế của Công ty trong ngành**

Hai mảng hoạt động chính của công ty là sản xuất chất tẩy rửa và phốt pho vàng. Sản lượng phốt pho vàng của DGC chiếm hơn 20% thị phần của cả nước. Công ty con của DGC là Công ty cổ phần hóa chất Đức Giang – Lào Cai cũng là doanh nghiệp có công suất sản xuất phốt pho vàng lớn nhất cả nước với tổng công suất hai xưởng là 10.000 tấn/năm.

Về hoạt động sản xuất chất tẩy rửa, DGC chiếm khoảng 1,5% thị phần toàn quốc. DGC có thị phần khiêm tốn trong thị trường chất tẩy rửa với các đối thủ cạnh tranh lớn như LIX, NET, Unilever.

* Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang (tiền thân là Công ty Hoá chất Đức Giang) là công ty có truyền thống sản xuất Hoá dược tinh khiết cung cấp cho thị trường Việt Nam 47 năm qua. Thương hiệu Hoá chất Đức Giang có uy tín nhất định trên thị trường Việt Nam.
* Có dự án do Liên hợp quốc tài trợ hiện còn hệ thống chưng cất cồn tuyệt đối, hệ chưng cất dung môi, hệ chưng cất axit HCl, HNO3, hệ sản xuất NH4OH còn hoạt động được.
* Các kỹ sư và công nhân lành nghề đã được đào tạo và thực hành tại các phân xưởng, các nhà máy của công ty.
* Có mặt bằng nhà xưởng rộng, phòng KCS thuân tiện cho việc khôi phục và sản xuất Hoá chất tinh khiết, Hoá dược.
* Đã được công nhận đạt hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2000 do tập đoàn GLOBAL - Anh Quốc cấp.
* Trụ sở Công ty gần trung tâm, cảnh quan và điều kiện làm việc tốt có thể thu hút được các kỹ sư có trình độ về làm việc.

**Triển vọng phát triển ngành**

Với một nền kinh tế đang tăng trưởng như hiện nay thì nhu cầu về các sản phẩm trong lĩnh vực hoạt động của Công ty đang có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định, khoảng 50%/năm. Trong khi đó, năng lực sản xuất trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu đó mà chủ yếu phải nhập khẩu từ Trung Quốc, Đức, Pháp, Mỹ,... Bên cạnh đó, đây là ngành có lợi nhuận ổn định mà vốn đầu tư không quá nhiều, tốc độ thu hồi vốn nhanh (khoảng 2 - 3 năm).

**Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.**

Cùng với tốc độ tăng trưởng ổn định của nền kinh tế Việt Nam, thị trường hoá chất, hoá dược có sự phát triển khả quan, hứa hẹn tạo ra lợi tức hấp dẫn thu hút đầu tư.

Theo Quyết định số 207/2005/QĐ-Ttg ngày 18/08/2005 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam, định hướng phát triển một số nhóm sản phẩm trong ngành hóa chất như sau:

Các sản phẩm hóa chất phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Sản phẩm phân bón: đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị đối với các nhà máy sản xuất phân lân, phân NPK, phân hữu cơ sinh học, phát triển đa dạng các loại phân hỗn hợp, nâng cao hàm lượng dinh dưỡng, phục vụ nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu. Tập trung vốn đầu tư các nhà máy sản xuất phân đạm từ khí thiên nhiên, từ than, một số nhà máy sản xuất NPK theo công nghệ tiên tiến, nhà máy sản xuất DAP. Tận dụng các loại phế thải để sản xuất phân bón hữu cơ sinh học, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, chủ động nhập khẩu các chủng vi sinh vật hữu ích để sản xuất phân hữu cơ sinh học và phân vi sinh theo nhu cầu sử dụng.

-     Sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật (BVTV): thay thế công nghệ gia công lạc hậu bằng công nghệ gia công tiên tiến, tạo ra sản phẩm dễ sử dụng, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm gốc sinh học, sử dụng các hoạt chất thế hệ mới, các dung môi ít gây ô nhiễm môi trường, phù hợp với những quy định của khu vực và quốc tế.

Các sản phẩm hóa dầu: thu hút vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là đầu tư nước ngoài, nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên dầu và khí. Kết hợp có hiệu quả giữa các công trình lọc, hóa dầu, chế biến khí để tạo ra được các sản phẩm hóa dầu thượng nguồn, làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp khác cùng phát triển.

Các sản phẩm hóa chất phục vụ sản xuất công nghiệp:

-   Sản phẩm hóa chất cơ bản: các sản phẩm hóa chất phục vụ sản xuất công nghiệp mà trọng tâm là các sản phẩm hóa chất cơ bản cần được tập trung đầu tư để đảm bảo đủ các loại axit cho sản xuất phân bón, xút cho các ngành dệt, giấy, tuyển quặng, chất tẩy rửa và các sản phẩm khác. Lựa chọn thời điểm thích hợp để đầu tư sản xuất sôđa, một số loại oxit kim loại như oxit titan, oxit manhe và các loại khác.

-   Sản phẩm điện hóa, các sản phẩm khí công nghiệp: đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Từng bước tiếp cận công nghệ mới để có thể sản xuất được các sản phẩm có yêu cầu công nghệ cao như các loại pin - ắc quy đặc chủng, các loại khí hiếm.

Sản phẩm hóa chất phục vụ tiêu dùng: đối với các sản phẩm này cần tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, tăng thêm về số lượng, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong nước.

Như vậy, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới.

**Chính sách cổ tức**

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới. Năm 2009, Công ty trả cổ tức 100% bằng tiền mặt. Tỷ lệ cổ tức cho các năm sắp tới dự kiến duy trì trong khoảng từ 40% đến 45%/năm.

Tỷ lệ cổ tức 2009 - 2014

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **2009** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** |
| Cổ tức trên mệnh giá | 29,3% | 65,69% | 46,8% | 45% | 45% | 45% |

**II. Tình hình tài chính**

**1.2.       Trích khấu hao TSCĐ**

Việc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty hiện đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, chính sách khấu hao áp dụng năm 2006 được thực hiện nhất quán với năm trước. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao tài sản cố định

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại tài sản** | **Thời gian khấu hao (năm)** |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 40 |
| Máy móc thiết bị | 4 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 5 – 10 |
| Thiết bị quản lý | 3 – 6 |

**1.3.      Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân năm 2009 là 4.700.000 đồng/người/tháng và năm 2010 đạt 6.800.000 đồng/người/tháng.

**1.4.      Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

**1.5.      Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước. Từ năm 2006 trở về trước, do chuyển đổi mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo công ăn việc làm ổn định cho trên 100 người nên Công ty đã được miễn nhiều loại thuế. Chính điều đó đã giúp Công ty tích luỹ được năng lực tài chính khá vững mạnh so với các doanh nghiệp cùng ngành trong nước.

Bảng 13. Các khoản phải nộp theo luật định

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2010** |
| Thuế Xuất nhập khẩu | 327 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.743 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 167 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất |  |
| **Tổng cộng** | **4.237** |

*(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2010 và BCTC Quý III/2011 của DGC)*

**1.6.      Trích lập các quỹ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |
| --- | --- |
| **Khoản mục** | **Năm 2010** |
| Quỹ đầu tư phát triển | 22.017 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 8.566 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 6.520 |

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

**1.7.      Tổng dư nợ vay**

Trong năm 2009 và 2010, do sử dụng đồng vốn một cách linh hoạt và hiệu quả và không có các khoản vay dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn đều được công ty trả đúng hạn. Tổng dư nợ vay của Công ty đến ngày 30/09/2011 là 0 đồng.

Bảng 14. Tổng dư nợ vay

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/12/2010** | |
| **Giá trị** | **Quá hạn** |
| Vay ngắn hạn | 65.021 | - |
| Vay dài hạn | - | - |
| **Tổng cộng** | **65.021** |  |

**1.8.      Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục** | **31/12/2010** |
| **I** | **Phải thu ngắn hạn** | **63.427** |
| 1 | Phải thu khách hàng | 46.358 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 13.042 |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 3.772 |
| 4 | Dự phòng phải thu khó đòi | - 105 |
| **II** | **Phải thu dài hạn** | **-** |

**1.9.      Các khoản nợ phải trả**

Các khoản phải trả

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục** | **31/12/2010** |
| **NỢ PHẢI TRẢ** | | **168.214** |
| **I** | **Nợ ngắn hạn** | **168.137** |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 65.021 |
| 2 | Phải trả người bán | 59.665 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 7.287 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp NN | 4.236 |
| 5 | Phải trả người lao động | 8.723 |
| 6 | Chi phí phải trả | 225 |
| 7 | Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 16.457 |
| **II** | **Nợ dài hạn** | **77** |
| 1 | Vay và nợ dài hạn | - |
| 2 | Thuế thu nhập hoãn lại | - |
| 3 | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | **77** |

Tình hình công nợ phân theo vay ngắn hạn, vay dài hạn

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **31/12/2010** |
| **I** | **Vay ngắn hạn** | **65.021** |
| **II** | **Vay dài hạn** | **-** |

**1.10.  Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2009- 2011

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Năm 2009** | **Năm 2010** |
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán |  |  |  |
|  | Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0,78 | 1,07 |
|  | Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,25 | 0,55 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn |  |  |  |
|  | Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 42,75 | 47,91 |
|  | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 98,52 | 116,13 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động |  |  |  |
|  | Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 2,33 | 8,25 |
|  | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | % | 98,50 | 206,74 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời |  |  |  |
|  | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 6,21 | 11,01 |
|  | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 14,10 | 55,19 |
|  | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 6,12 | 22,77 |
|  | Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 6,82 | 12,45 |

**2.       Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

**2.1.      Hội đồng quản trị**

**Ông Đào Hữu Huyền - Chủ tịch HĐQT Công ty**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày sinh | : | 07/06/1956 |
| Nơi sinh | : | Hưng Yên |
| Số CMTND | : | 011686105 |
| Ngày cấp | : | 01/10/2001 |
| Nơi cấp | : | Hà Nội |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Quê quán | : | Hưng Yên |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 55 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Số điện thoại liên lạc | : | 04 8271620 |
| Trình độ văn hoá | : | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân Đại học Tổng hợp, chuyên ngành Hoá |
| Quá trình công tác |  |  |
| ü    1993 -:- 4/2007 | : | Giám đốc Công ty TNHH Văn Minh |
| ü    5/2007 đến nay | : | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang |
| Chức vụ hiện nay | : | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty | : | Không |
| Số cổ phiếu nắm giữ (tính đến ngày 30/09/2011) | : | 1.809.368 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (tính đến ngày 30/09/2011) | : | (Vợ) Nguyễn Hồng Lan sở hữu 152.900 cổ phiếu  (Con) Đào Hữu Duy Anh sở hữu 10.000 cổ phiếu  (Em ruột) Đào Hữu Kha sở hữu 547.676 cổ phiếu |

**Ông Đào Việt Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày sinh | : | 21/11/1977 |
| Nơi sinh | : | Hưng Yên |
| Số CMTND | : | 011874672 |
| Ngày cấp | : | 07/04/2005 |
| Nơi cấp | : | Hà Nội |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Quê quán | : | Hưng Yên |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 42/408 Ngô Gia Tự - Đức Giang – Long Biên – Hà Nội |
| Số điện thoại liên lạc | : | 04. 38271620 |
| Trình độ văn hoá | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân hóa học |
| Quá trình công tác |  |  |
| ü    5/2001 -:- 8/2004 | : | Nhân viên phòng kỹ thuật – Công ty Thạch Bàn |
| ü    8/2004 -:- 12/2006 | : | Quản đốc phân xưởng đá mài – Công ty TNHH sản xuất đá mài SECOIN – EDM |
| ü    4/2007 -:- 7/2007 | : | Công ty TNHH BIKEN Việt Nam |
| ü    8/2007 -:- 2/2010 | : | Phó trưởng phòng kinh doanh – Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang |
| ü    3/2010 đến nay | : | Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang |
| Chức vụ hiện nay | : | Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty | : | Không |
| Số cổ phiếu nắm giữ (tính đến ngày 30/06/2011) | : | 1.000 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (tính đến ngày 30/06/2011) | : | Không |

**Ông Lưu Bách Đạt - Thành viên Hội đồng quản trị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày sinh | : | 4/9/1983 |
| Nơi sinh | : | Hà Nội |
| Số CMTND | : | 012106263 |
| Ngày cấp | : | 12/06/2008 |
| Nơi cấp | : | Hà Nội |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Quê quán | : | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | : | Bằng B – Hoàng Liệt – Hoàng Mai – Hà Nội |
| Số điện thoại liên lạc | : | 04.38271620 |
| Trình độ văn hoá | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Kỹ sư hóa |
| Quá trình công tác |  |  |
| ü    12/2007 -:- 4/2009 | : | Kỹ sư hóa chất – Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang |
| ü    5/2009 -:- 3/2010 | : | Quản đốc phân xưởng Bột giặt, Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang |
| ü    4/2010 -:- 5/2010 | : | Thành viên Hội đồng quản trị, Quản đốc phân xưởng Bột giặt, Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang |
| ü    5/2010 đến nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang;  Trưởng chi nhánh Bình Dương |
| Chức vụ hiện nay | : | Trưởng chi nhánh Bình Dương |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty | : | Không |
| Số cổ phiếu nắm giữ (tính đến ngày 30/09/2011) | : | 1.000 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (tính đến ngày 30/09/2011) | : | Không |

**Ông Lại Cao Hiến - Thành viên Hội đồng quản trị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày sinh | : | 2/12/1952 |
| Nơi sinh | : | Th¸i B×nh |
| Số CMTND | : | 010055118 |
| Ngày cấp | : | 14/11/2002 |
| Nơi cấp | : | Hà Nội |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Quê quán | : | §«ng Kinh - §«ng H­ng – Th¸iB×nh |
| Địa chỉ thường trú | : | 41B Hoàng Hoa Thám, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội |
| Số điện thoại liên lạc | : | (84.4) 38241241 |
| Trình độ văn hoá | : | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | : | Kỹ sư hóa, Cử nhân luật |
| Quá trình công tác |  |  |
| ü   1975 -:- 1981 | : | C«ng ty ThiÕt bÞ Toµn Bé – Tæng c«ng ty Ho¸ chÊt ViÖt Nam |
| ü   1981-:- 1990 | : | Tæng côc Ho¸ chÊt |
| ü   1990 -:-  1995 | : | Tæng c«ng ty Ph©n bãn vµ Ho¸ chÊt c¬ b¶n |
| ü   1995 đến nay | : | Tæng c«ng ty Ho¸ chÊt ViÖt Nam  Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang |
| Chức vụ hiện nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty | : | Không |
| Số cổ phiếu nắm giữ (tính đến ngày 30/06/2011) | : | 1.386.000 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (tính đến ngày 30/06/2011) | : | Không |

**Bà Phan Thị Nhung - Thành viên Hội đồng quản trị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | : | Nữ |
| Ngày sinh | : | 06/05/1963 |
| Nơi sinh | : | Hà Nội |
| Số CMTND | : | 011037804 |
| Ngày cấp | : | 14/05/2008 |
| Nơi cấp | : | Hà Nội |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Quê quán | : | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 24 Hẻm 268/136/7 Tổ 27, P. Ngọc Thụy, Q. Long Biên, Hà Nội |
| Số điện thoại liên lạc | : | 04.38271620 |
| Trình độ văn hoá | : | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | : | Kü s­ Ho¸ |
| Quá trình công tác | : |  |
| ü   8/1987 -:- 12/2008 | : | Kỹ sư hóa, Chuyên viên phòng KCS Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang |
| ü   1/2008 -:- 12/2010 | : | Kỹ sư hóa, Phó trưởng phòng KCS Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang |
| ü   1/2011 -:- 2/2011 | : | Kỹ sư hóa, Trưởng phòng KCS Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang |
| ü   3/2011 ®Õn nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị C«ng ty CP Bét giÆt vµ Ho¸ chÊt §øc Giang, Trưởng phòng KCS |
| Chức vụ hiện nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị C«ng ty CP Bét giÆt vµ Ho¸ chÊt §øc Giang; |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty | : | Không |
| Số cổ phiếu nắm giữ (tính đến ngày 30/06/2011) | : | 7.260 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (tính đến ngày 30/06/2011) | : | Không |

**2.2.      Ban Giám đốc**

**Ông Đào Hữu Huyền – Tổng giám đốc**

Lý lịch được trình bày tại phần 12.1 - Lý lịch Hội đồng quản trị

**Ông -  Đào Việt Hưng - Phó tổng giám đốc**

Lý lịch được trình bày tại phần 12.1 - Lý lịch Hội đồng quản trị

**Ông – Nguyễn  Vĩ Hoàn – Phó tổng giám đốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày sinh | : | 27/08/1976 |
| Nơi sinh | : | Bắc Giang |
| Số CMTND | : | 012771979 |
| Ngày cấp | : | 01/10/2001 |
| Nơi cấp | : | Hà Nội |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Quê quán | : | Bắc Giang |
| Địa chỉ thường trú | : | Số 6 Ngách 211/56 Tôn Đức Thắng, Hà Nội |
| Số điện thoại liên lạc | : | 04.38271620 |
| Trình độ văn hoá | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Thạc sỹ hóa chất |
| Quá trình công tác | : |  |
| ü   1994 -:- 2002 | : | Sinh viên Học viện kỹ thuật quân sự. |
| ü   2002 -:- 2007 | : | Sỹ quan trung tâm khoa học kỹ thuật công nghệ quân sự. |
| ü   2007 -:- 2008 | : | Kỹ sư hóa, Công ty TNHH Văn Minh |
| ü   2008 -:- 2009  ü |  | Chuyên viên, thạc sỹ hóa học - Thành viên ban quản lý dự án – Công ty cổ phần bột giặt và hóa chất Đức Giang |
| ü   2009 -:- 2011 | : | Giám đốc công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang – Lào Cai |
| ü   2011 :-: nay | : | Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang |
| Chức vụ hiện nay | : | Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty | : | Không |
| Số cổ phiếu nắm giữ (tính đến ngày 30/06/2011) | : | 50.000 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (tính đến ngày 30/06/2011) | : | Không |

**2.3.      Ban kiểm soát**

**Ông Vũ Văn Ngọ – Trưởng ban Kiểm soát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày sinh | : | 26/4/1978 |
| Nơi sinh | : | Nam Định |
| Số CMTND | : | 162162968 |
| Ngày cấp | : | 15/03/1996 |
| Nơi cấp | : | Nam Định |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Quê quán | : | Nam Định |
| Địa chỉ thường trú | : | Thành Lợi, Vụ Bản, Nam Định |
| Số điện thoại liên lạc | : |  |
| Trình độ văn hoá | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kế toán |
| Quá trình công tác |  |  |
| ü              2006-:- 04/2007 | : | Kế toán công ty TNHH Văn Minh |
| ü              5/2007 đến nay | : | Kế toán trưởng công ty TNHH Văn Minh |
| Chức vụ hiện nay | : | Kế toán trưởng |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty | : | Không |
| Số cổ phiếu nắm giữ (tính đến ngày 30/06/2011) | : | 3.500 |
| Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (tính đến ngày 30/06/2011) | : | Không |

**Ông Vũ Minh Thuyết – Thành viên ban Kiểm soát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày sinh | : | 28/8/1967 |
| Nơi sinh | : | Hà Nội |
| Số CMTND | : | 0198057825 |
| Ngày cấp | : | 23/03/2001 |
| Nơi cấp | : | Hà Nội |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Quê quán | : | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | : | Tổ 11 P.Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội |
| Số điện thoại liên lạc | : | 04. 38271620 |
| Trình độ văn hoá | : | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác |  |  |
| ü              1984 đến nay | : | Công nhân sẩn xuất hóa chất – Công ty cổ phần bột giặt và hóa chất Đức Giang |
| Chức vụ hiện nay | : | Bí thư chi bộ Công ty cổ phần Bột giặt và hóa chất Đức Giang, Công nhân sản xuất hóa chất bậc 5/7. |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty | : | Không |
| Số cổ phiếu nắm giữ (tính đến ngày 30/06/2011) | : | 12.980 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (tính đến ngày 30/06/2011) | : | Không |

**Ông Đào Quang Toản– Thành viên ban Kiểm soát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | : | Nam |
| Ngày sinh | : | 20/8/1952 |
| Nơi sinh | : | Yªn B¸i |
| Số CMTND | : | 010049649 do CA Hµ Néi cÊp ngµy 27/3/2006 |
| Ngày cấp | : | 27/03/2006 |
| Nơi cấp | : | Hà Nội |
| Quốc tịch | : | Việt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Quê quán | : | Thanh Oai – Hµ T©y |
| Địa chỉ thường trú | : | 142/285 §éi CÊn – Ba §×nh – Hµ Néi |
| Số điện thoại liên lạc | : | 04.8253037 |
| Trình độ văn hoá | : | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | : | Cö nh©n kinh tÕ |
| Quá trình công tác |  |  |
| ü              1976 -:- 1980 | : | Uû Ban VËt gi¸ Nhµ N­íc |
| ü             1981 -:- 1995 | : | Tæng côc Ho¸ chÊt |
| ü             1995 -:- 2003 | : | Tæng c«ng ty Ho¸ chÊt ViÖt Nam |
| ü              2003-:- 04/2007 | : | Tæng c«ng ty Ho¸ chÊt ViÖt Nam;  Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bột giặt và Hoá chất Đức Giang |
| ü              5/2007 đến nay | : | Thành viên ban kế hoạch – kinh doanh Tổng công ty Hoá chất Việt Nam  Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bột giặt và Hoá chất Đức Giang |
| Chức vụ hiện nay | : | Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bột giặt và Hoá chất Đức Giang |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty | : | Không |
| Số cổ phiếu nắm giữ (tính đến ngày 30/06/2011) | : | 0 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (tính đến ngày 30/06/2011) | : | Không |

**2.4.      Kế toán trưởng**

**Bà Đào Thị Mai - Kế toán trưởng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | : | N÷ |
| Ngày sinh | : | 09/03/1981 |
| Nơi sinh | : | T©n TiÕn – V¨n Giang – H­ng Yªn |
| Số CMTND | : | 145272260 |
| Ngày cấp | : | 21/04/2005 |
| Nơi cấp | : | Hưng Yên |
| Quốc tịch | : | ViÖt Nam |
| Dân tộc | : | Kinh |
| Quê quán | : | H­ng Yªn |
| Địa chỉ thường trú | : | T©n TiÕn – V¨n Giang – H­ng Yªn |
| Số điện thoại liên lạc | : | 04 8271620 |
| Trình độ văn hoá | : | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : | KÕ to¸n – Tµi chÝnh |
| Quá trình công tác |  |  |
| ü   2003 -:- 5/2007 | : | KÕ to¸n C«ng ty TNHH V¨n Minh |
| ü   6/2007 -:- 7/2007 | : | KÕ to¸n C«ng ty CP Bét giÆt vµ Ho¸ chÊt §øc Giang |
| ü   8/2007 đến nay | : | KÕ to¸n tr­ëng  C«ng ty CP Bét giÆt vµ Ho¸ chÊt §øc Giang |
| Chức vụ hiện nay | : | KÕ to¸n tr­ëng  C«ng ty CP Bét giÆt vµ Ho¸ chÊt §øc Giang |
| Hành vi vi phạm pháp luật | : | Kh«ng |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty | : | Kh«ng |
| Số cổ phiếu nắm giữ (tính đến ngày 30/06/2011) | : | 1.500 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (tính đến ngày 30/06/2011) | : | Kh«ng |

**3.       Tài sản**

Bảng 19. Danh mục tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2010

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tài sản** | **Nguyên giá** | **Khấu hao** | **Giá trị còn lại** |
| **I** | **TSCĐ hữu hình** | **169.527** | **68.547** | **100.980** |
| 1 | Nhà cửa vật kiến trúc | 47.623 | 14.837 | 32.785 |
| 2 | Máy móc thiết bị | 112.115 | 50.835 | 61.280 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 9.544 | 2.688 | 6.856 |
| 4 | Thiết bị quản lý | 244 | 185 | 59 |
| 5 | TSCĐ khác | - | - | - |
| **II** | **TSCĐ vô hình** | **27.094** | **971** | **26.124** |
| **III** | **Chi phí XDCB dở dang** | **24.807** | **-** | **24.807** |
|  | **Tổng cộng** | **221.428** | **69.518** | **151.911** |

Bảng 20. Danh mục diện tích đất đai, nhà xưởng đang sử dụng

|  |  |
| --- | --- |
| Đất Nhà máy chế biến Phốt pho Vàng Lào Cai tại Cụm công nghiệp Tằng Loỏng, Bảo Thắng, Lào Cai | **14,1 ha** theo hình thức thuê lâu dài thời hạn 49 năm |
| Đất trụ sở Công ty tại 18/44 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội | **4.7 ha** theo hình thức thuê đất lâu dài thời hạn 50 năm |
| Đất tại Nhà máy Bình Dương | **4000m2** theo hình thức thuê đất lâu dài thời hạn 20 năm (Hợp đồng số 07/HĐ-2000 ký ngày 18/9/1999) |

**4.       Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011 - 2015**

Bảng 21. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011 - 2015

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thực hiện năm 2010** | **Kế hoạch** | | | | |
| **Năm 2011** | **Năm 2012** | **Năm 2013** | **Năm 2014** | **Năm 2015** |
| 1 | Doanh thu thuần (DTT) | 417 | 1.174 | 1.667 | 2.050 | 2.100 | 2.100 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 48,7 | 51,5 | 50 | 50 | 50 | 50 |
| 3 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/DTT | 0,116 | 0,145 | 0,1 | 0,090 | 0,083 | 0,083 |
| 4 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn ®iÒu lÖ | 0,738 | 0,4683 | 0,454 | 0,4 | 0,454 | 0,210 |
| 5 | Cổ tức | 65,69% | 46,8% | 45,4% | 45% | 45% | 45% |

Chỉ tiêu về lợi nhuận được xây dựng theo phương pháp thống kê kinh nghiệm và dựa vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty, biến động khó lường của giá cả sản phầm, tỷ lệ chi phí sản xuất công nghiệp trên tổng doanh thu và cộng thêm phần cổ tức dự kiến thu được từ các khoản góp vốn đầu tư theo quan điểm thận trọng.

Đối với chỉ tiêu cổ tức, giai đoạn năm 2011 - 2015 Công ty dự kiến trả cổ tức từ 45% - 46,8%/ mệnh giá cổ phần. Đây là mức cổ tức tương đối cao trong bối cảnh nền kinh tế nước ta chưa ổn định, tỷ lệ lạm phát, lãi suất tín dụng ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, nhằm nâng cao sự cạnh tranh của Công ty trong giai đoạn mới, với sự đoàn kết và nỗ lực trong đội ngũ lãnh đạo Công ty thì đây là mức cổ tức khá hấp dẫn trong giai đoạn mở rộng này. Trong các năm tiếp theo, cổ tức trả cho các cổ đông sẽ dần ổn định khi nền kinh tế nước ta đi vào ổn định cũng các dự án đầu tư đã đi vào hoạt động ổn định, mang lại lợi nhuận và sự tăng trưởng bền vững cho Công ty.

**Căn cứ để đạt được  kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011 - 2015:**

Ổn định và nâng cao chất lượng bộ máy quản lý, đội ngũ công nhân kỹ thuật, tăng cường trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật trong lao động, tạo ra bộ máy có tính chuyên nghiệp để phát triển thương hiệu, nâng cao vị thế, sức cạnh tranh và hiệu quả.

Thực hiện tốt kế hoạch tín dụng, huy động tối đa các nguồn vốn phục vụ thi công và đầu tư phát triển, tăng cường công tác nghiệm thu thanh quyết toán, tăng nhanh vòng quay sử dụng vốn.

Phát huy thế mạnh truyền thống, mở rộng và phát triển thị trường theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, đa dạng hoá các hình thức huy động vốn, các hình thức hợp tác đầu tư và kinh doanh trong đó chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu đầu tư các sản phẩm mới.

Xây dựng và đưa vào thực hiện một cách nề nếp các quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty. Tăng cường kiểm tra kiểm soát nhằm lành mạnh và minh bạch hoá các hoạt động của Công ty. Tạo điều kiện để các tổ chức chính trị xã hội của Công ty hoạt động và phối hợp tốt với các tổ chức này để phát huy sức mạnh tập thể, nội lực và bảo đảm quyền lợi của cổ đông.

Căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết, Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu năm 2011 dựa trên giá trị khối lượng dở dang của từng dự án từ năm trước chuyển sang năm sau và phần giá trị khối lượng thực hiện trong từng năm. Doanh thu các năm tiếp theo cũng được xây dựng tương tự căn cứ vào giá trị khối lượng công việc công ty sẽ thực hiện từ năm 2011 đến năm 2015, giá trị sản lượng trong giai đoạn này là:

Giá trị sản lượng của Công ty giai đoạn 2011 - 2015

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Sản phẩm** | **Năm** | | | | | |
| **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** |
| 1 | Phốtpho vàng (P4) | 201 | 820 | 1.200 | 1.500 | 1.500 | 1.500 |
| 2 | LAS | 38 | 50 | 70 | 90 | 90 | 90 |
| 3 | NRC | 8 | 12 | 20 | 30 | 35 | 35 |
| 4 | H3PO4 | 18 | 40 | 120 | 150 | 155 | 155 |
| 5 | Hoá chất tinh khiết | 2 | 6 | 7 | 10 | 10 | 10 |
| 6 | Hoá chất kỹ thuật | 2 | 8 | 10 | 10 | 10 | 10 |
| 7 | Bột giặt và chất tẩy rửa khác | 143 | 161 | 230 | 250 | 290 | 290 |
| 8 | Dịch vụ | 5 | 7 | 10 | 10 | 10 | 10 |
|  | **Tổng cộng** | **417** | **1.174** | **1.667** | **2.050** | **2.100** | **2.100** |

*(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)*

PHẦN II. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2010

I.THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Nền kinh tế thế giới và Việt nam phục hồi tạo điều kiện thuận lợi về giá cả, sản lượng cho việc tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu cũng như nội địa

- Thương hiệu bột giặt, nước rửa chén Đức giang sau một thời gian quay lại thị trường đã có chỗ đứng nhất định, thị phần không ngừng được mở rộng

- Những tháng cuối năm 2010 giá axit H3PO4 nhập khẩu tăng cao, tạo điều kiện thuận lợi về sản lượng tiêu thụ và giá cả cho các nhà sản xuất axit H3PO4 trong nước.

- Đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân đã quen việc giúp nâng cao năng suất, ổn định chất lượng

2. Khó khăn

- Giá nguyên liệu, vật tư, bao bì tăng cao khiến giá thành sản phẩm tăng

- Mặt bằng lãi suất cao khiến chi phí lãi vay lớn

- Sự cạnh tranh trên thị trường chất tẩy rửa gia dụng ngày càng gay gắt

- Dây chuyền, thiết bị sản xuất cũ với công suất thấp đôi khi không đáp ứng được nhu cầu của thị trường

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2010

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn như đã nêu trên nhưng với sự lãnh đạo kiên quyết, kịp thời của hội đồng quản trị, lãnh đạo Công ty cùng sự đoàn kết nhất trí, năng động linh hoạt của các cấp lãnh đạo, sự nỗ lực  lao động sáng tạo của tập thể người lao động Công ty đã vượt qua khó khăn, phát triển sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

A . CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH:

A.1 CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HOÁ CHẤT ĐỨC GIANG

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2009:

1.1 Doanh thu: 417.664.103.541 đồng

1.2Lợi nhuận sau thuế: 12.079.937.049 đồng

1.3 Sản lượng và doanh thu các sản phẩm:

a. Hoá chất công nghiệp: doanh số 252.396.763.040 *(Hai trăm năm mươi hai tỷ, ba trăm chín mươi sáu triệu,bẩy trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm bốn mưới đòng)* (chiếm     tổng doanh số) cụ thể như sau:

- Phốt pho vàng: 201.694.015.952 đồng

Tổng lượng LAS sản xuất: 10.320 tấn

- Sản phẩm LAS gia công:          7.647 tấn    (18.196.947.898 đồng )

- Sản phẩm LAS sản xuất bán ngoài: 667 tấn (16.054.423.026 đồng )

- LAS sản xuất cung cấp cho px chất tẩy rửa: 2006 tấn ( không tính doanh thu )

- Axit photphoric thực phẩm: 382 tấn  (6.880.583.224 đồng )

- Axit photphoric kỹ thuật:560 tấn  ( 9.225.007.330 đồng )

- STPP: 21 tấn  ( không tính doanh thu )

b.Chất tẩy rửa: 152.322.941.419 đồng trong đó:

- Bột giặt Đức giang: 12.299 tấn ( 143.755.451.716 đồng )

- Nước rửa chén: 864 tấn ( 8.212.055.336 đồng )

- Các chất tẩy rửa khác ( nước xả, nước giặt, javen, kem xanh ): 38.7 tấn ( 355.434.376 đồng)

c. Hoá chất kỹ thuật: ( NaOH, HNO3, KH2PO4, Na3PO4, ): 3.001.005.606 đồng

d. Hoá chất tinh khiết: 4.184.396.594 đồng trong đó:

-  Axit H2SO4 đạt: 2.073.770.231 đồng

- Cồn và các loại hoá chất tinh khiết khác đạt:2.110.626.363 đồng

f.Buôn bán hoá chất, thiết bị: 1.278.499.653 đồng

g. Các dịch vụ khác: 4.117.460.865 đồng

2. Đánh giá chung

- Mặt hàng chất tẩy rửa tăng trưởng mạnh với Bột giặt tăng 84% và nước rửa chén tăng 284% so với năm 2009 tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.( trong năm 2010 Công ty đã tuyển dụng 48  lao động mới).Ngoài ra Công ty đã cho ra đời hai sản phẩm mới là nước xả và nước giặt, bước đầu đã có phản hồi tốt từ thị trường.

- Phân xưởng LAS hoạt động ổn định với sản lượng trung bình đat 860    tấn/tháng (trong đó nhu cầu LAS phục vụ cho sản xuất bột giặt,nước giặt, nước rửa chén, nước xả mỗi tháng 167 tấn).

- So với năm 2009 các sản phẩm hoá chất tinh khiết chưa có sự tăng trưởng đáng kể do công tác thị trường và nghiên cứu sản phẩm mới còn hạn chế.

- Xuất khẩu phốt pho vàng cũng như axit H3PO4 tiêu thụ nội địa có nhiều thuận lợi về tỷ giá và giá cả

A.2  CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH

1. CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT ĐỨC GIANG – LAO CAI ( CÔNG TY CON )

-  Doanh thu: 500.443.316.845 đồng

-  Lợi nhuận phát sinh ( sau thuế ): 66.019.853.826 đồng ( trong đó Công ty cổ phần bột giặt và hoá chất Đức giang được hưởng là: 42.912.904.986 đồng )

2. CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO VÀNG LAO CAI ( CÔNG TY LIÊN DOANH)

*(Phần Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang được hưởng)*

- Doanh thu: 16.280.997.327 đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 2.228.774.337 đồng

B. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG CƠ BẢN

- Từ tháng 9/2011 khởi công lò sản xuất phốt pho vàng số 2 công suất 10.000 tấn/ năm dự kiến hoàn thành vào tháng 06/2011. ( DLC)

- Xây dựng một kho mới diện tích 1.100 m2 và đã đưa vào sử dụng ( cho thuê) từ tháng 9/2010.

- Đầu tư một lò hơi ( 1 tấn ) mới

- Mua một xe ôtô Huyndai 5 tấn phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hoá của Công ty

- Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất bột giặt

- Đầu tư thay thế, sửa chữa nhà xưởng, thiết bị tại phân xưởng LAS

C. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Năm 2011 cùng với sự tăng trưởng vượt bậc sản lượng tiêu thụ bột giặt, nước rửa chén công tác quản lý xuất nhập vật tư, thu chi rât nhiều và phức tạp, tuy nhiên phòng kế toán đã hoàn thành tốt công việc, không để xẩy ra sai sót lớn. Ngoài ra phòng kế toán đã tích cực tham gia hỗ trợ bộ phận kế toán tại công ty DLC trong việc ban hành định mức sản xuất phốt pho vàng cũng như các công việc chuyên môn khác.

D. CÔNG TÁC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ MÔI TRƯỜNG

- Nâng công suất bột giặt từ 36 tấn/ngày lên 48tấn/ngày.

- Sản xuất thành công hai sản phẩm mới là nước giặt và nước xả bước đầu có phản hồi tốt từ thị trường.

- Nâng công suất axit H3PO4 thực phẩm từ 3 tấn/ngày lên 5 tấn/ngày

- Ngoài ra còn hàng loạt các sáng kiến khác giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và tiết kiệm hàng trăm triệu đồng cho Công ty.

- Công tác môi trường đã làm tốt, không để xẩy ra việc vi phạm môi trường nghiêm trọng.

E .CÔNG TÁC ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP, LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

-Năm 2010 thu nhập bình quân đầu người tại Đức giang đạt 6.900.000 đ/người/tháng, tại Công ty cổ phần Hoá chất Đức giang – Lao cai đạt 8.150.000đ/người/tháng.Đây là mức thu nhập tương đối cao so với mặt bằng tại các doanh nghiệp sản xuất.Để có được điều này,hội động quản trị, ban điều hành cùng toàn thể người lao động đã nỗ lực phấn đấu để duy trì sản xuất ổn định,nâng cao lợi nhuận và tạo thu nhập cho CBCNV.Đồng thời đây cũng là lợi thế cho Công ty trong việc thu hút lao động có chất lượng cao.

- Việc phân phối tiền lương cơ bản đã đạt được sự công bằng

F.CÁC CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

- Tổ chức công đoàn, chi bộ đảng đã hoạt động tốt, đã tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời CBCNV khi họ ốm đau, gặp chuyện không may.Vào những ngày lễ tết, 27/7 Lãnh đạo Công ty cùng các tổ chức Đảng, công đoàn thường xuyên thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách.

- Tuy nhiên công tác đoàn thanh niên còn nhiều hạn chế, ban chấp hành chưa tổ chức được các hoạt động văn hoá, thể thao thu hút sự tham gia đông đảo của các đoàn viên, thanh niên.

F. NHỮNG VIỆC CHƯA LÀM ĐƯỢC

- Không thành công trong việc khôi phục sản xuất STPP

- Ý thức kỷ luật lao động trong một số cán bộ, công nhân còn kém, chưa tự giác. Có người còn cố tình làm giảm năng suất, gây khó khăn cho cán bộ quản lý trong quá trình xây dựng định mức.